TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 21/9/2017
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Quàng Văn Liêm

Ông Cà Văn Pâng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Kiểm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLPT-HN&GĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim N, Luật sư - Văn phòng Luật sư A1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn H - Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bà T, ông H, bà N đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2015/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; khi ly hôn,

phần tài sản chung và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 23/8/2016, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông H gồm: Một nhà xây cấp 4 lợp mái tôn 3 gian (nhà ống khép kín) trên tổng diện tích đất 138,6 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 082958 ngày 09/8/2012 do UBND thành phố Đ, cấp cho bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H; tổng giá trị nhà và đất khoảng 400.000.000 đồng. Bà T có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ nhà đất và thanh toán chênh lệch giá trị tài sản chung bằng tiền cho ông H là 200.000.000 đồng. Ngoài ra bà T còn kê khai khoản tiền vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Điện Biên - Phòng giao dịch X có số dư nợ 12.000.000 đồng; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã trả hết số nợ trên cho Ngân hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Tại phiên thẩm định và định giá tài sản ngày 15/12/2016 ông H có ý kiến: Nhà đất bán theo giá thị trường rồi chia đôi tiền cho bà T và ông H; ông H không có nguyện vọng lấy nhà đất, nếu bà T lấy nhà đất thì thanh toán tiền cho ông H.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì 138,6m^2 đất tại tổ 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có giá trị là 206.514.000 đồng; toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà, bếp, công trình phụ và phần bán mái phía trước và phía sau nhà có giá trị 153.754.454 đồng; tổng giá trị của đất và tài sản trên đất là 360.268.454 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đoàn Văn H nhưng ông H vẫn vắng mặt tại các buổi được Tòa án triệu tập để làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H vắng mặt, bà T trình bày nguyện vọng được sử dụng toàn bộ nhà đất và thanh toán chênh lệch giá trị tài sản chung bằng tiền cho ông H là 200.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên quyết định:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

* Giao cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 138,6 m^2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 082958 ngày 09/8/2012 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H) và được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: một nhà xây cấp 4 lợp tôn 3 gian + bếp, công trình phụ + bán mái phía trước và bán mái phía sau cùng; có tổng giá trị là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Cụ thể các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía đông giáp đất của gia đình bà Hoàng Thị H là 21,6 mét;
- Phía tây giáp nhà đất của gia đình ông Đinh Văn T là 18,1 mét;

- Phía nam giáp đường đất (đường 6 mét) là 7 mét;
- Phía bắc giáp đất của gia đình bà Hoàng Thị H là 7 mét.

* Bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản chung cho ông Đoàn Văn H là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Ông Đoàn Văn H phải hoàn trả cho bà Phạm Thị T tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản là: 1.340.000 đồng (Một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã nhận đơn kháng cáo của ông H với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia đôi mảnh đất và giá trị nhà ở để ông Đoàn Văn H tạo dựng chỗ ở mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bà T và ông H đã thống nhất thỏa thuận về giá trị của đất và tài sản trên đất, thỏa thuận việc phân chia tài sản chung như sau:

- Giá trị của diện tích đất 138,6 m^2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 082958 ngày 09/8/2012 là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

+ Giá trị của các tài sản trên đất là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) bao gồm: một nhà xây cấp 4 lợp tôn 3 gian (diện tích xây dựng 46,736m^2) + bếp, công trình phụ (diện tích xây dựng 15,3m^2)+ bán mái phía trước và bán mái phía sau nhà (tổng diện tích là 44,62m^2);

- Tổng giá trị của đất và tài sản trên đất là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Bà T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho ông H ½ giá trị của tài sản chung với số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì các đương sự đã thỏa thuận được giá của tài sản chung và phương án phân chia tài sản chung, đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Văn H và bà Phạm Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo thỏa thuận của các bên thì: Tổng giá trị của tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm diện tích đất 138,6m^2 và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Bà T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho ông H ½ giá trị của tài sản chung với số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Việc thỏa thuận giữa ông H và bà T là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33, các khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật HN&GĐ, Điều 300, khoản 2 Điều 308/BLTTDS chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đoàn Văn H và đề nghị của Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm về việc sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí:

[2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 147/BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 8, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) thì bà T và ông H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần trá trị tài sản được hưởng là: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên bà Phạm Thị T đã có đơn xin giảm án phí với lý do bản thân bị mắc bệnh khớp, bệnh u tuyến giáp, sức khỏe yếu thu nhập thấp lại phải nuôi con gái học Đại học nên hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, đơn của bà T được Tổ trưởng tổ dân phố 18 và UBND phường H xác nhận; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà T, buộc bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bà T đã nộp được 5.000.000 đồng nên còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Buộc ông H phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001402 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308/BLTTDS; khoản 1 Điều 33, các khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148/BLTTDS; khoản 2, khoản 5 Điều 147/BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 8, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ; Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H về việc xác định giá trị tài sản chung và việc phân chia tài sản chung sau ly hôn, cụ thể như sau:

* Tổng tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H gồm diện tích đất 138,6m^2 và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có giá trị là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Bà T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 138,6m2 thuộc thửa đất số 53a, tờ bản đồ 79 (bản đồ lập năm 2010); địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía đông giáp đất của gia đình bà Hoàng Thị H là 21,6 mét;

+ Phía tây giáp nhà đất của gia đình ông Đinh Văn T là 18,1 mét;

+ Phía nam giáp đường đất (đường 6 mét) là 7 mét;

+ Phía bắc giáp đất của gia đình bà Hoàng Thị H là 7 mét.

(Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 082958, số vào sổ cấp GCN: CH22900 ngày 09/8/2012 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Phạm Thị T và ông Đoàn Văn H);

- Bà T được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: một nhà xây cấp 4 lợp tôn 3 gian (diện tích xây dựng 46,736m^2) + bếp, công trình phụ (diện tích xây dựng 15,3m^2)+ bán mái phía trước và bán mái phía sau nhà (tổng diện tích là 44,62m^2);

* Bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch ½ giá trị tài sản chung cho ông Đoàn Văn H với số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Phạm Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bà T đã nộp được 5.000.000 đồng nên còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Buộc ông Đoàn Văn H phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001402 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468/BLDS; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468/BLDS.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2017).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thành phố Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Các đương sự; LS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hằng